

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện
Dự toán ngân sách địa phương năm 2018

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Thực hiện công văn số 426/UBND-TH ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

Với những kết quả đã đạt được về phát triển kinh tế - xã hội Quý III năm 2018. Sở Tài chính báo cáo cụ thể kết quả tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương quý III năm 2018 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

Năm 2018, là năm thứ ba của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, là năm thứ hai thực hiện Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và thực hiện thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020. Do đó có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2016-2020. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2018. Cùng với đó, UBND tỉnh đã ban hành các giải pháp, nhiệm vụ và đặt mục tiêu cho từng ngành, lĩnh vực; các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2018. Thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2018, yêu cầu phấn đấu hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu NSNN, điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.

Ước thực hiện dự toán NSNN năm 2018 cụ thể như sau:

- Tổng chỉ tiêu HĐND giao thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 1.369 tỷ đồng trong đó thu nội địa là 1.194 tỷ đồng; thu hoạt động XNK 175 tỷ đồng.

Ước thực hiện thu ngân sách đến hết năm 2018: tổng thu trên địa bàn là 1.550 tỷ đồng, đạt 113% so với dự toán giao, 101% so với cùng kỳ năm trước trong đó thu nội địa là 1.374 tỷ, đạt 115% so với dự toán, 103% so với cùng kỳ năm trước; thu xuất nhập khẩu là 176 tỷ so với dự toán giao đạt 101%, 86% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ tiêu giao chi ngân sách địa phương: 9.781,914 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 765,68 tỷ đồng; chi thường xuyên 5.706,689 tỷ đồng; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP 2.983,755 triệu đồng.

Ước thực hiện năm 2018: tổng chi ngân sách địa phương là 10.524 tỷ đồng đạt 108% so với dự toán, 104% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chi đầu tư phát triển là 765,680 tỷ đồng đạt 100% so với dự toán, 111% so với cùng kỳ năm trước; chi thường xuyên là 5.950,969 tỷ đồng đạt 104% so với dự toán, 95% so với cùng kỳ năm trước; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP là 3.481,561 tỷ đồng đạt 117% so với dự toán, 116% so với cùng kỳ năm trước.

II. Đánh giá chung về tình hình thực hiện thu chi ngân sách nhà nước Quý III năm 2018

Năm 2018, tình hình kinh tế cả nước nói chung và của tỉnh Cao Bằng nói riêng tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2017, bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động sản xuất chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp in, cung cấp nước, sản xuất thủy điện... ổn định, hoạt động lưu thông hàng hóa thuận lợi, đảm bảo cung - cầu hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ phát triển khá và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, kinh doanh du lịch có dấu hiệu khởi sắc... đã tác động tích cực, góp phần tăng thu Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước Hội đồng nhân dân tỉnh giao, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, UBND tỉnh đã ban hành các chương trình, kế hoạch đôn đốc thu hồi xử lý thuế nợ đọng năm 2018, chống thất thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2018. Chỉ đạo các ngành, các cấp đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo Đề án số 510/QĐ-UBND ngày 12/4/2017. Thực hiện các biện pháp tăng cường thu ngân sách, theo dõi, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán; dự báo các nhân tố tác động tăng, giảm đến nguồn thu sát, đúng với thực tế, từ đó có biện pháp quản lý thuế, phí, lệ phí... phù hợp với từng địa bàn, ngành nghề kinh doanh, tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý thu thuế bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN.

Công tác quản lý chi ngân sách địa phương nhìn chung đã cơ bản thực hiện đảm bảo được các khoản chi phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, ổn định quốc phòng-an ninh của địa phương. Các các ngành, các cấp, đơn vị đã quản lý chi ngân sách thực hiện tiết kiệm, đảm bảo định mức, chế độ nhà nước qui định; góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh-chính trị, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh và nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Chủ động điều hành chi NSNN trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước

quy định. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, hướng dẫn các cơ quan, các huyện thành phố chủ động sắp xếp bố trí các khoản chi theo dự toán đã được giao, bổ sung dự toán kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất phát sinh và những nhiệm vụ chính trị lớn của địa phương.

Trên đây là thuyết minh báo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018./. *h*

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Cục thống kê;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website STC;
- Lưu: QLNS; VT.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Tố Quyên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn	1.369.000	2.931.685	214%	182%
I	Thu cân đối NSNN	1.369.000	1.550.000	113%	101%
1	Thu nội địa	1.194.000	1.374.000	115%	103%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	175.000	176.000	101%	86%
4	Thu viện trợ, thu ủng hộ đóng góp				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.381.685		1897%
B	Tổng chi NSDP	9.781.914	10.524.000	108%	106%
I	Chi cân đối NSDP	6.609.159	6.853.439	104%	99%
1	Chi đầu tư phát triển	765.680	765.680	100%	111%
2	Chi thường xuyên	5.706.689	5.950.969	104%	95%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.400	1.400		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.300	1.300	1,00	
5	Dự phòng ngân sách	134.090	134.090	1,00	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.983.755	3.481.561	117%	116%
III	Chi các nguồn vốn khác	189.000	189.000		
C	Bội thu NSDP	95.300	95.300	100%	54%
D	Chi trả nợ gốc	269.300	269.300	100%	154%



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.369.000	1.550.000	113%	100%
I	Thu nội địa	1.194.000	1.374.000	115%	103%
1	Thu từ khu vực DNNN	188.000	235.000	125%	119%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	700	3.000	429%	224%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	288.000	278.500	97%	109%
4	Thuế thu nhập cá nhân	45.000	39.000	87%	107%
5	Thuế bảo vệ môi trường	125.000	112.000	90%	87%
6	Lệ phí trước bạ	82.000	77.000	94%	120%
7	Thu phí, lệ phí	254.000	343.100	135%	98%
8	Các khoản thu về nhà, đất	146.300	205.900	141%	101%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	900	300%	105%
-	Thu tiền sử dụng đất	120.000	170.000	142%	98%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25.000	34.000	136%	120%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	1.000	1.000	100%	67%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	28.000	93%	152%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà		4.647		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	11.500	14.000	122%	116%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		200		
13	Thu khác ngân sách	23.500	38.300	163%	58%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	175.000	176.000	101%	86%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	116.800	140.800	121%	107%
2	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	57.802	34.500	60%	47%
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập				
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	4			0%
5	Thu khác	394	700		81%
IV	Thu viện trợ, thu ủng hộ đóng góp		250		4%
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.112.680	1.261.660	113%	97%
1	Từ các khoản thu phân chia	351.180	499.626	142%	99%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	761.500	762.034	100%	95%

SỞ TÀI CHÍNH

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	Tổng chi NSDP	9.781.914	10.524.000	108%	104%
A	Chi cân đối NSDP	6.609.159	6.853.439	104%	97%
I	Chi đầu tư phát triển	765.680	765.680	100%	111%
1	Chi đầu tư cho các dự án	670.480	670.480	100%	106%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	10.000	10.000	100%	18%
3	Chi đầu tư phát triển khác	85.200	85.200	100%	
II	Chi thường xuyên	5.706.689	5.950.969	104%	95%
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.472.243	2.472.243	100%	96%
2	Chi khoa học và công nghệ	14.277	14.277	100%	66%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		650.250		96%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		45.600		92%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		30.000		98%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		10.500		99%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		35.800		93%
8	Chi sự nghiệp kinh tế		1.250.370		89%
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể		1.241.179		95%
10	Chi bảo đảm xã hội		180.750		98%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.400	1.400	100%	107%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.300	1.300	100%	100%
V	Dự phòng ngân sách	134.090	134.090	100%	101%
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.983.755	3.481.561	117%	116%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	702.797	710.922	101%	107%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.871.408	2.770.639	148%	118%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	409.550			
C	Chi các nguồn vốn khác	189.000	189.000	100%	